

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TY  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 07/7/2020

“V/v tranh chấp vay tài sản giữa  
anh H và chị H1”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Tư Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Ông Nguyễn Văn Kiêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố TT, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Chị Vương Kiều A, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Phố TT, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/10/2019, chị Kiều A có mặt).

*2. Bị đơn:*

Chị Trần Thị H1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn TC (nay là thôn ĐC), xã ĐH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Vương Kiều A, sinh năm 1975. (có mặt)

Nơi cư trú: Phố TT, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2019 và bản tự khai ngày 12 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vương Kiều A trình bày:

Ngày 09/01/2015, vợ chồng chị Trần Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 có đến nhà chị hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích vay để đáo sổ ngân hàng. Vợ chồng chị đã đồng ý cho vợ chồng chị H1, anh H2 vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay các bên có thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 19/10/2015 thì vợ chồng chị H1, anh H2 phải trả vợ chồng chị số tiền trên, lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất Ngân hàng. Khi lập giấy biên nhận vay tiền và giao tiền có mặt cả vợ chồng chị và vợ chồng chị H1, anh H2. Chữ ký "H1" và chữ viết "Trần Thị H1" là chữ ký và chữ viết của chị H1, còn chữ ký "H2" và "Nguyễn Văn H2" là chữ ký và chữ viết của anh H2. Đến hạn trả nợ, vợ chồng chị đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị H1, anh H2 trả nợ nhưng đến nay vợ chồng chị H1, anh H2 không trả vợ chồng chị khoản tiền gốc và tiền lãi nào.

Nay chị đại diện theo ủy quyền cho anh Phạm Xuân H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 phải trả vợ chồng chị số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Vương Kiều A có mặt và có ý kiến: Chị xin rút yêu cầu giải quyết về lãi suất, chị không yêu cầu vợ chồng chị H1, anh H2 phải trả vợ chồng chị tiền lãi.

Bị đơn là chị Trần Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H1, anh H2 không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa chị H1, anh H2 vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân Hòa, buộc vợ chồng chị H1, anh H2 có trách nhiệm trả vợ chồng anh Phạm Xuân Hòa, chị Vương Kiều Anh số tiền gốc là 50.000.000 đồng

Về án phí chị H1, anh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Tòa án thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nhưng trong giấy vay tiền giữa chị H1, anh H2 với anh H thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 19/01/2015. Do đó, thời gian phát sinh tranh chấp là ngày 20/01/2015, đến ngày 09/12/2019 anh H mới làm đơn khởi kiện, như vậy tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm cho đến khi khởi kiện là 04 năm 10 tháng 19 ngày, theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.*"; cho nên đối với việc anh H khởi kiện yêu cầu chị H1, anh H2 trả cho anh H lãi là 23.600.000 đồng đã hết thời hiệu khởi kiện, tại phiên tòa hôm nay chị Vương

Kiều A là người đại diện theo ủy quyền của anh H xin rút yêu cầu đòi tiền lãi trên. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, anh H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Riêng đối với trả tiền gốc 50.000.000 đồng, theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015 không áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu; cho nên đối với việc khởi kiện của anh H yêu cầu vợ chồng chị H1, anh H2 trả cho vợ chồng anh tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Như vậy, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là quan hệ tranh chấp về quyền sở hữu được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn là anh H vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho chị Kiều A tham gia tố tụng, bị đơn là chị H1, anh H2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[3] Về số tiền nợ:

Xét yêu cầu của anh Phạm Xuân H đòi vợ chồng chị Trần Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 trả số tiền 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: kèm theo đơn khởi kiện, anh H có nộp 01 giấy biên nhận vay tiền có ghi người vay là chị Trần Thị H1, anh Nguyễn Văn Hoàn và chị H1, anh H2 đều ký vào phần người vay, quá trình giải quyết vụ án chị H1, anh H2 không trình bày ý kiến đề bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền:

Giấy vay tiền có trong hồ sơ thể hiện chị H1, anh H2 đều ký tên và mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng. Như vậy cần xác định số tiền 50.000.000 đồng này là chị H1, anh H2 trực tiếp vay và nhận của anh H, do đó anh H yêu cầu vợ chồng anh H2, chị H1 cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 163, khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu trên.

[5] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ: chị Kiều A đại diện cho anh H yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận nên vợ chồng chị H1, anh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 163, khoản 1 Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân H.

1. Buộc vợ chồng chị Trần Thị H1, anh Nguyễn Văn Hoàn phải trả cho vợ chồng anh Phạm Xuân H, chị Vương Kiều A số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Phạm Xuân H về việc buộc vợ chồng chị Trần Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 phải trả số tiền lãi là 23.600.000 đồng

2. Về án phí: vợ chồng chị Trần Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 phải chịu 2.500.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Phạm Xuân H số tiền 3.680.000 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006191 ngày 07/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Tư Duy**